



Tóm tắt nhanh: Biểu đồ nào - dùng khi nào?

POWER BI VISUALIZATION

CHEAT SHEET

Dành cho người mới học, sinh viên, và người làm phân tích dữ liệu

Bạn đã từng loay hoay chọn biểu đồ trong Power BI? Cheat Sheet này là dành cho bạn.

Dễ tra cứu – Dễ hiểu – Dễ áp dụng vào thực tế.

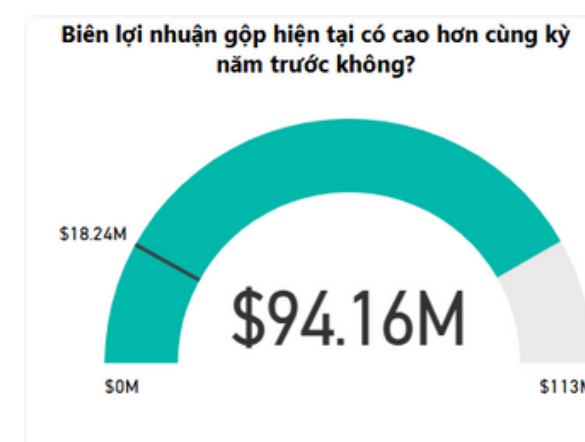




Biểu diễn sự SO SÁNH

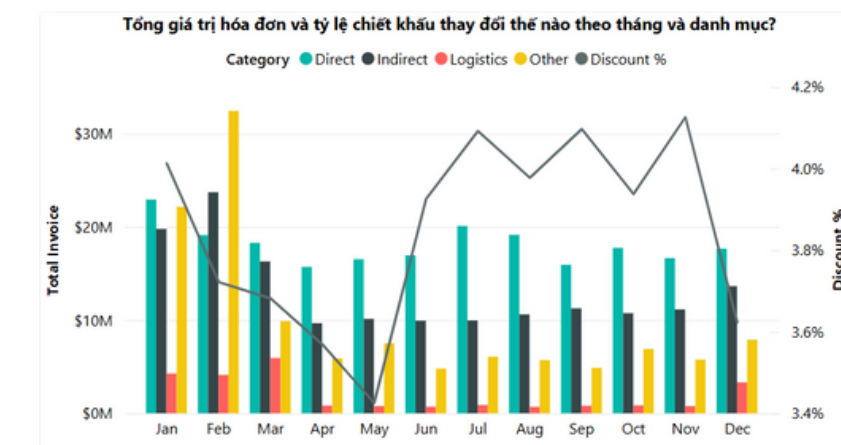


KPI

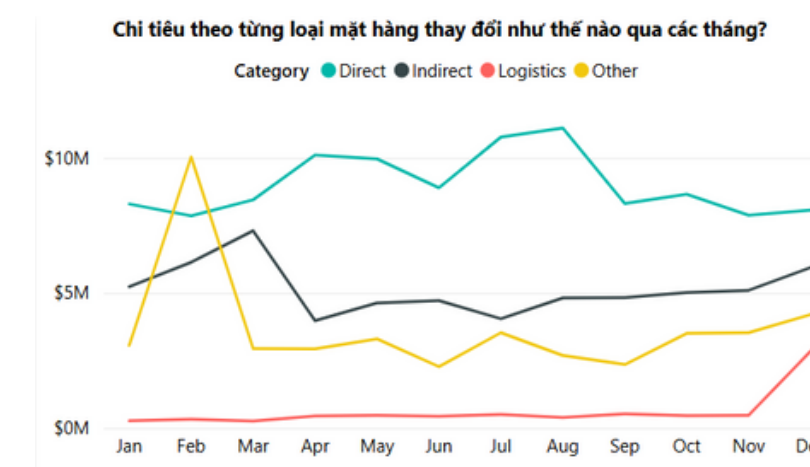


Gauge

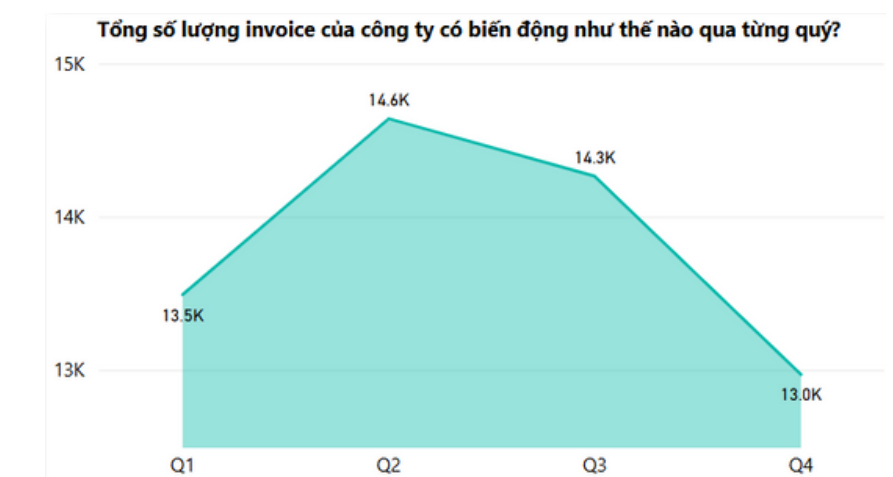
Với mục tiêu



Combo Chart (Line & Column)



Line Chart

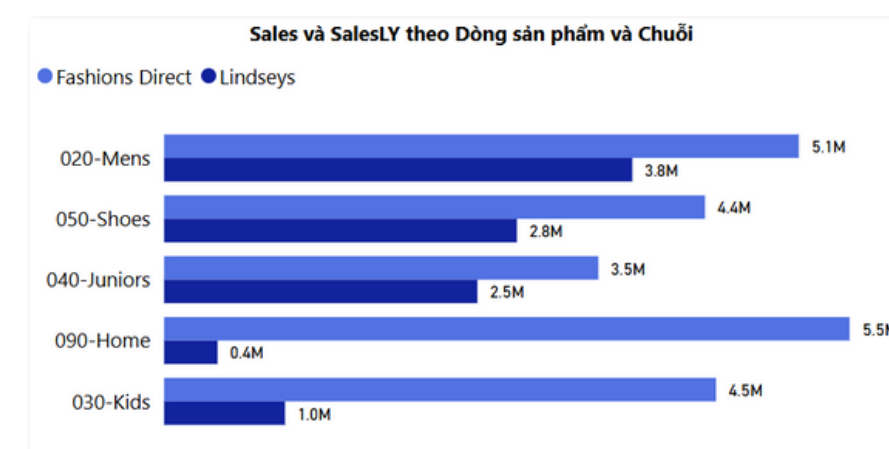


Area Chart

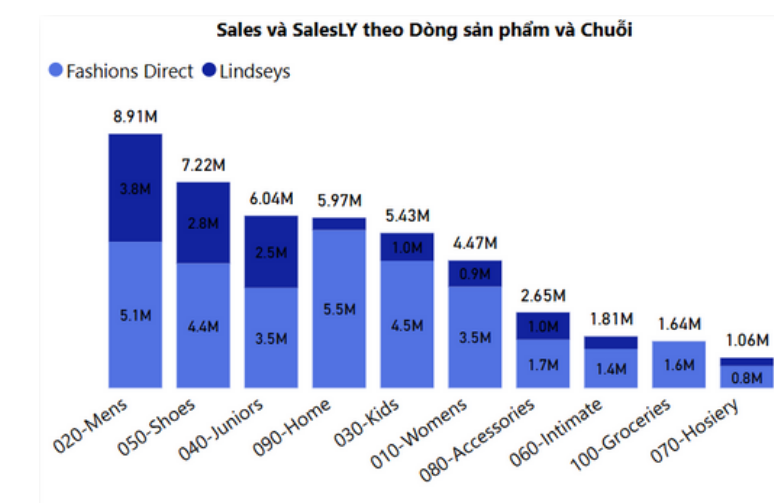
Theo thời gian



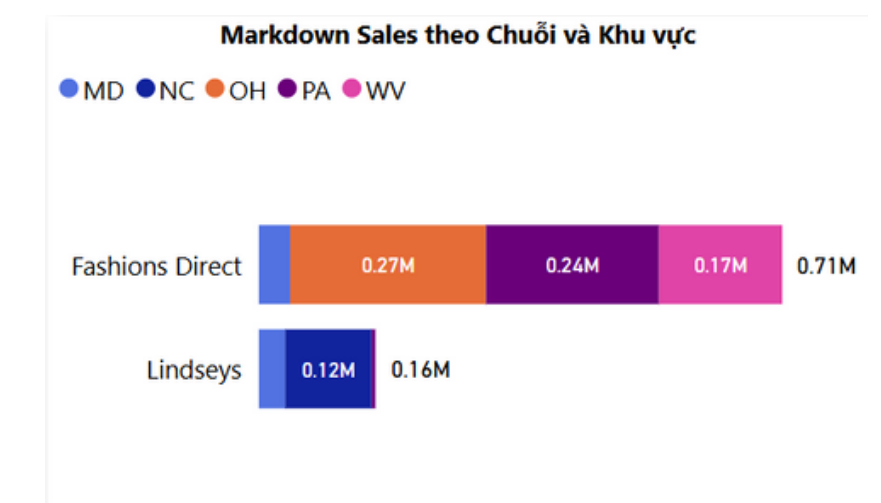
Clustered Column Chart



Clustered Bar Chart



Stacked Column Chart

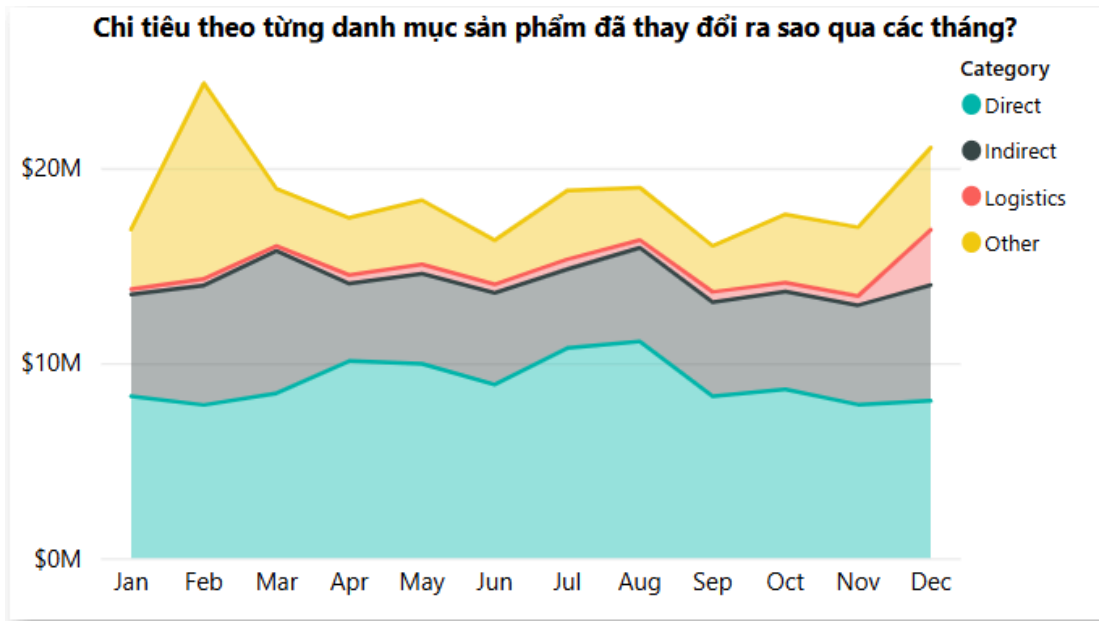


Stacked Bar Chart

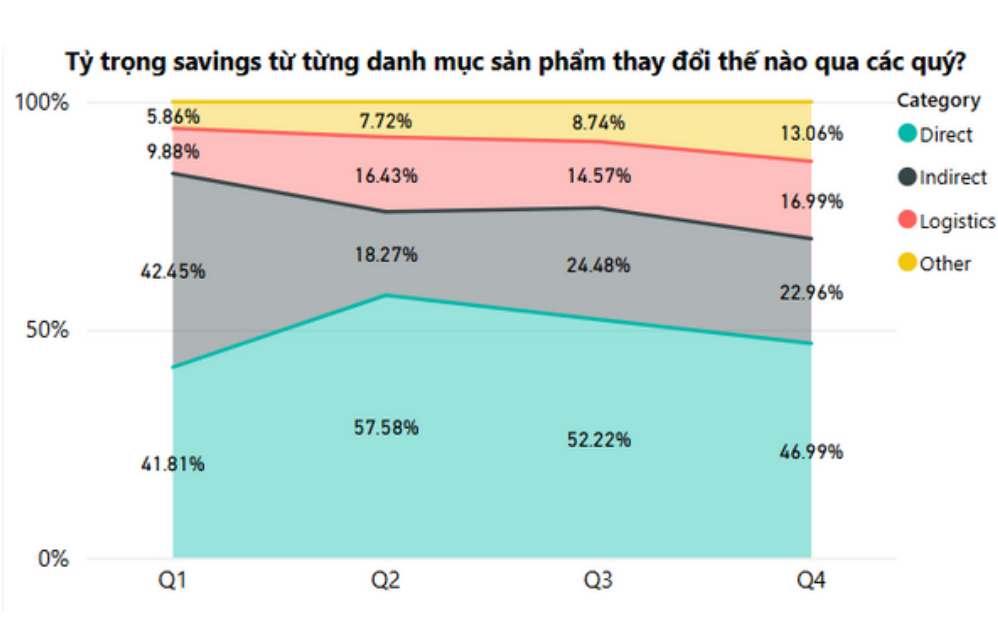
Theo danh mục



Biểu diễn các CẦU PHÂN



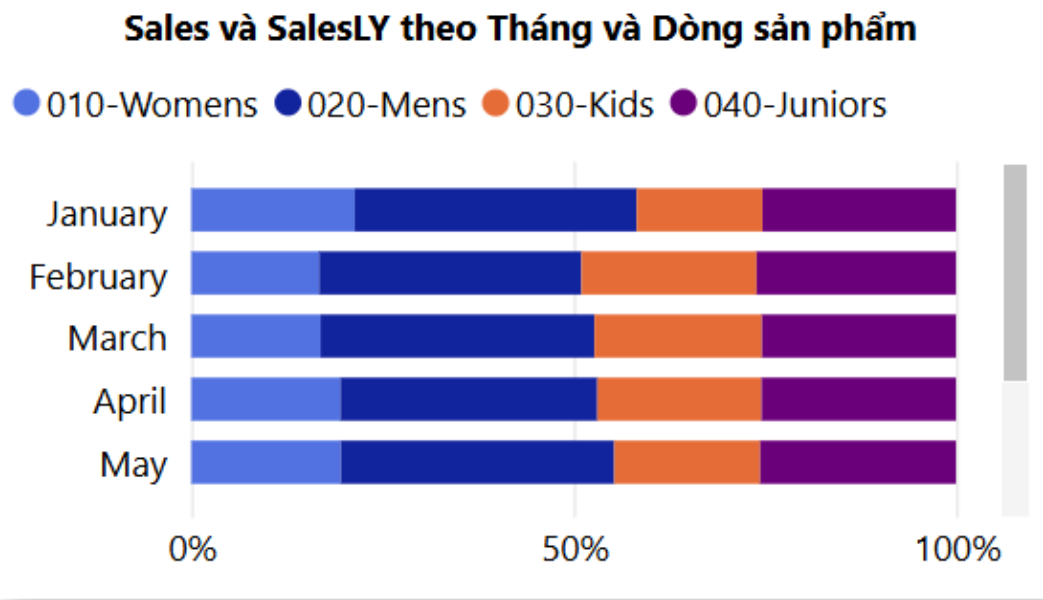
Stacked Area Chart



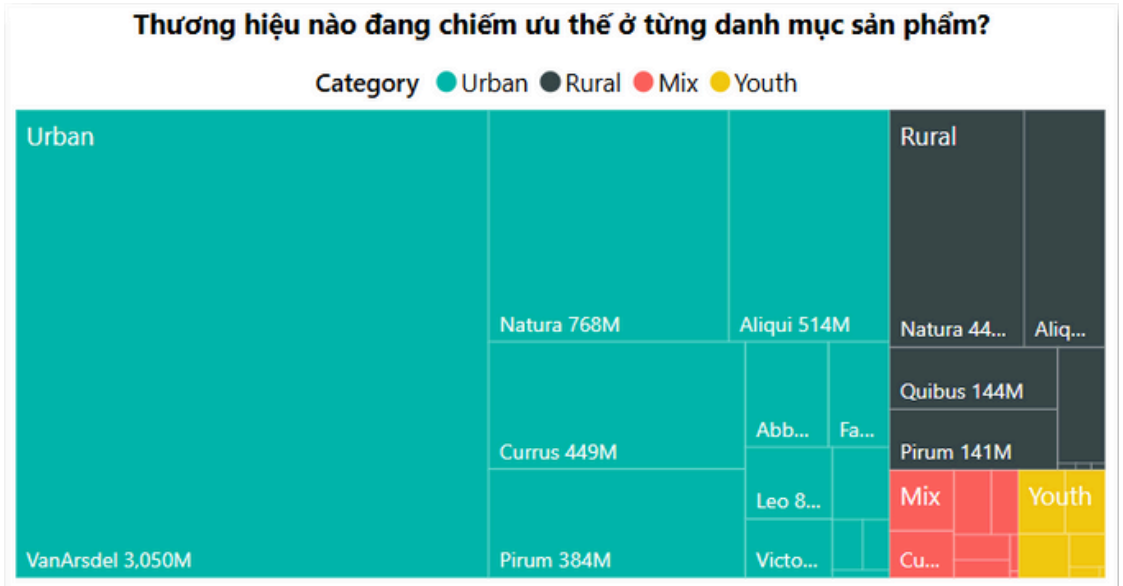
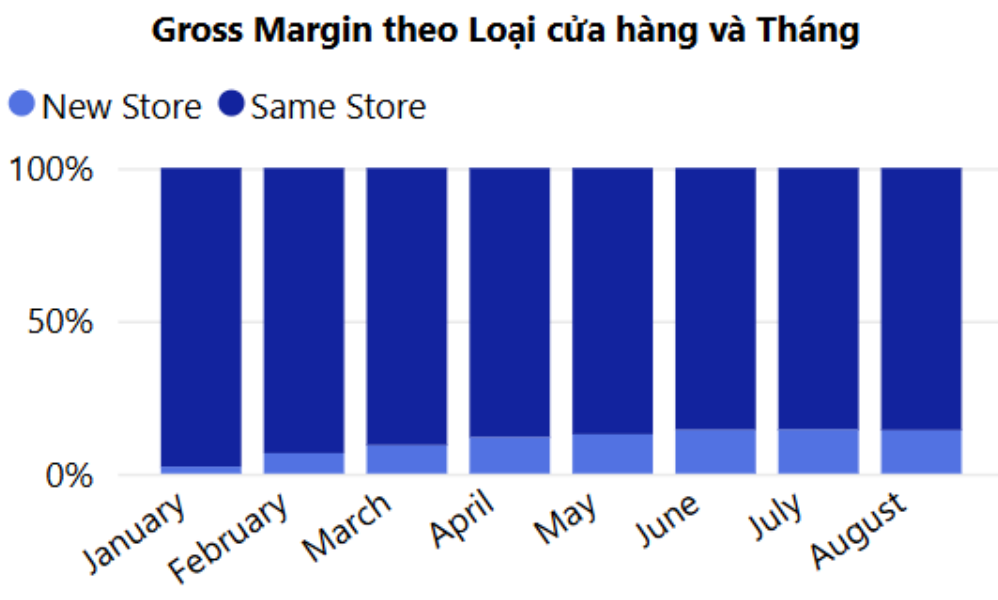
100% Stacked Area Chart

Thay đổi theo thời gian

100% Stacked Bar Chart



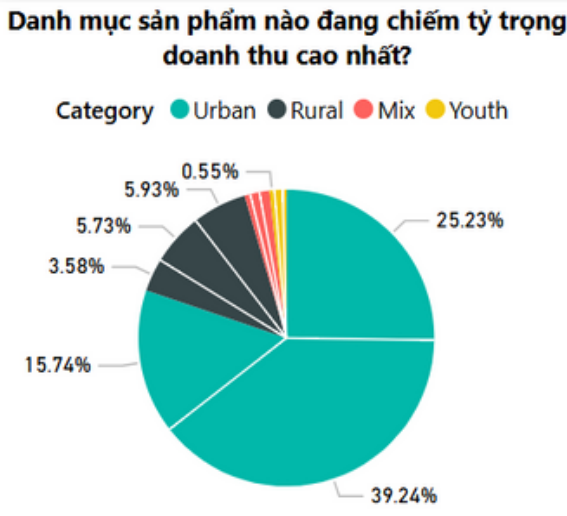
100% Stacked Column Chart



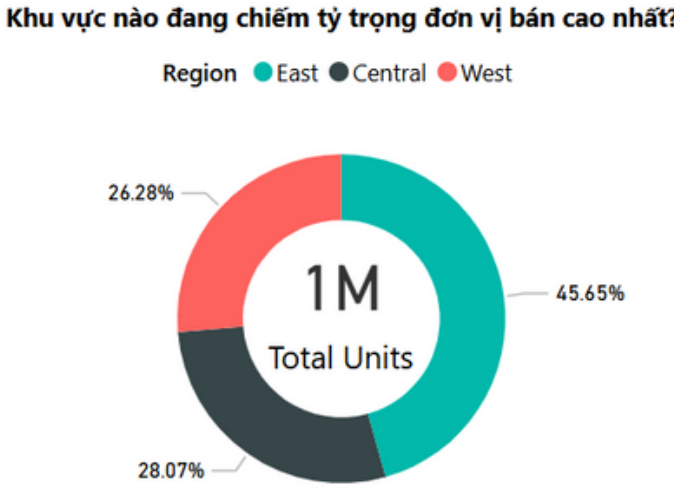
Treemap

Tại một thời điểm

Pie Chart

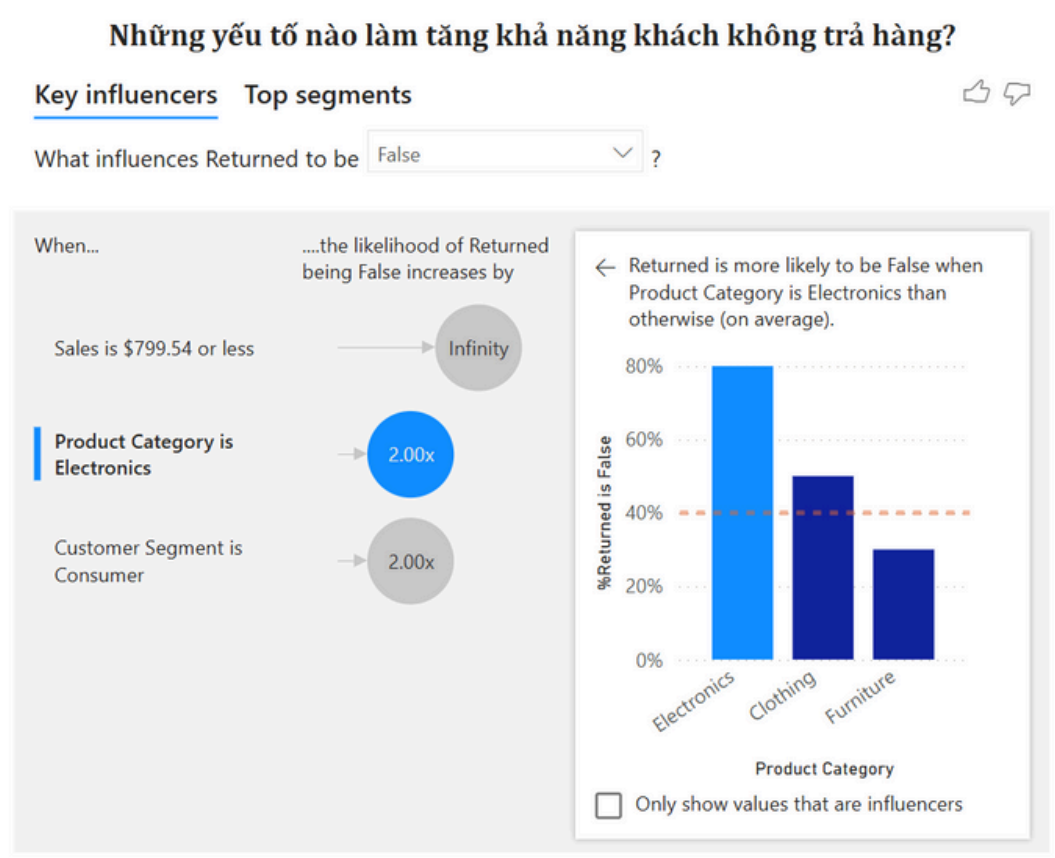
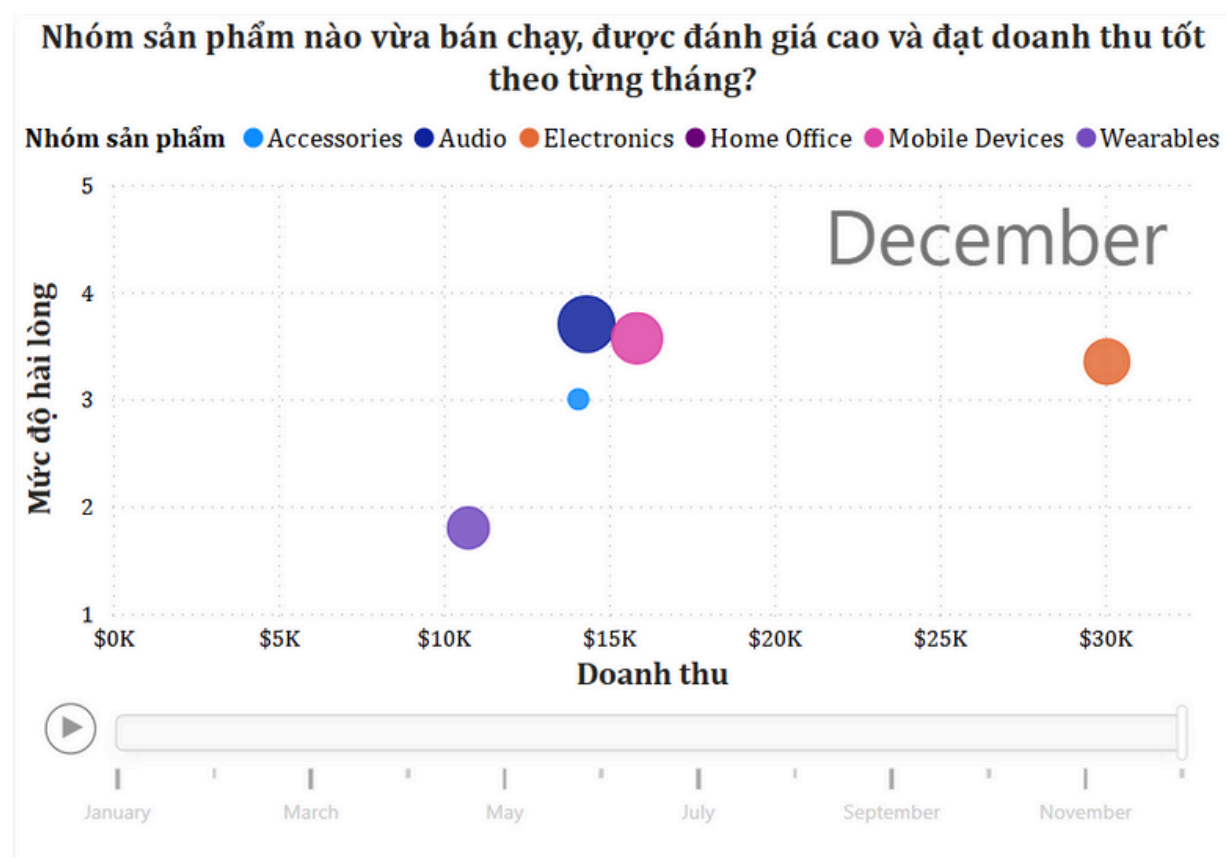


Donut Chart



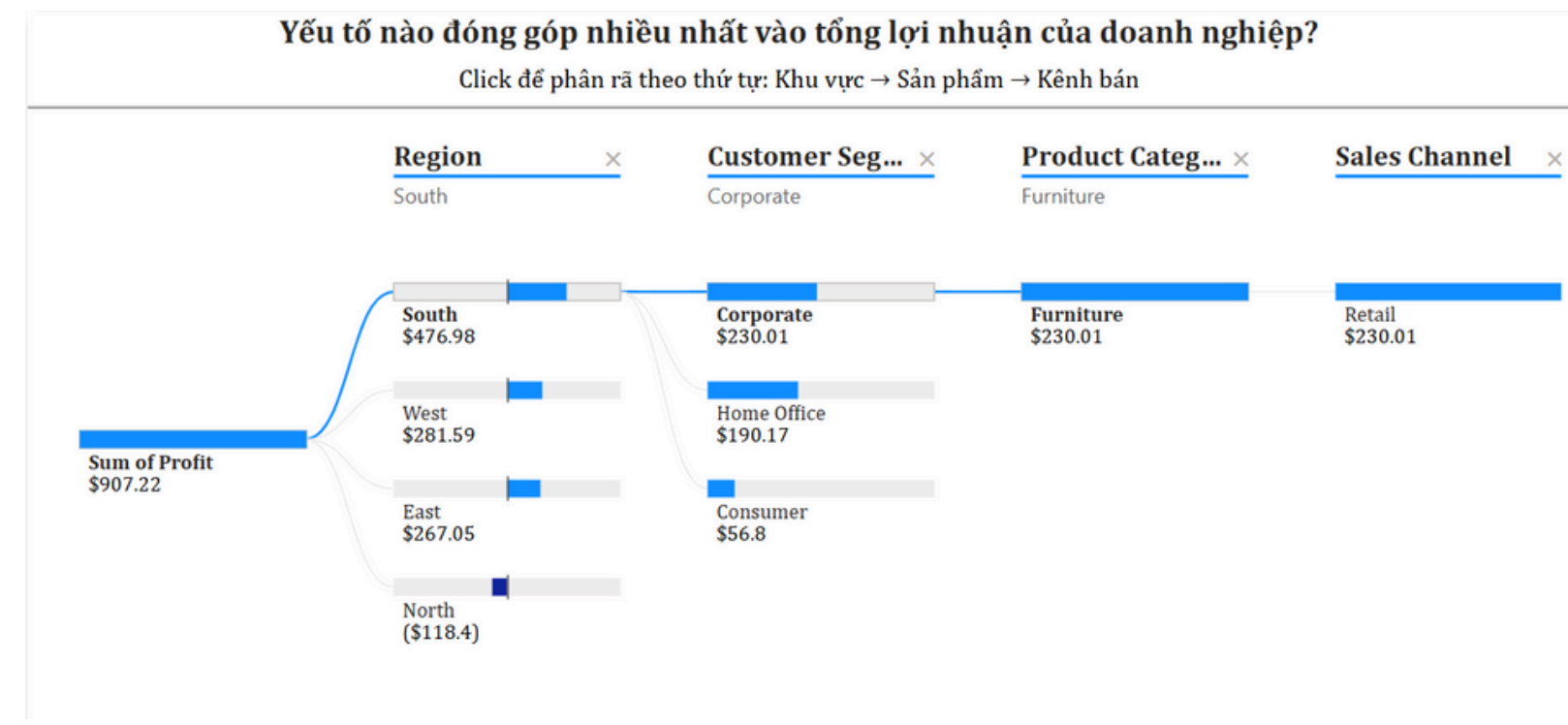
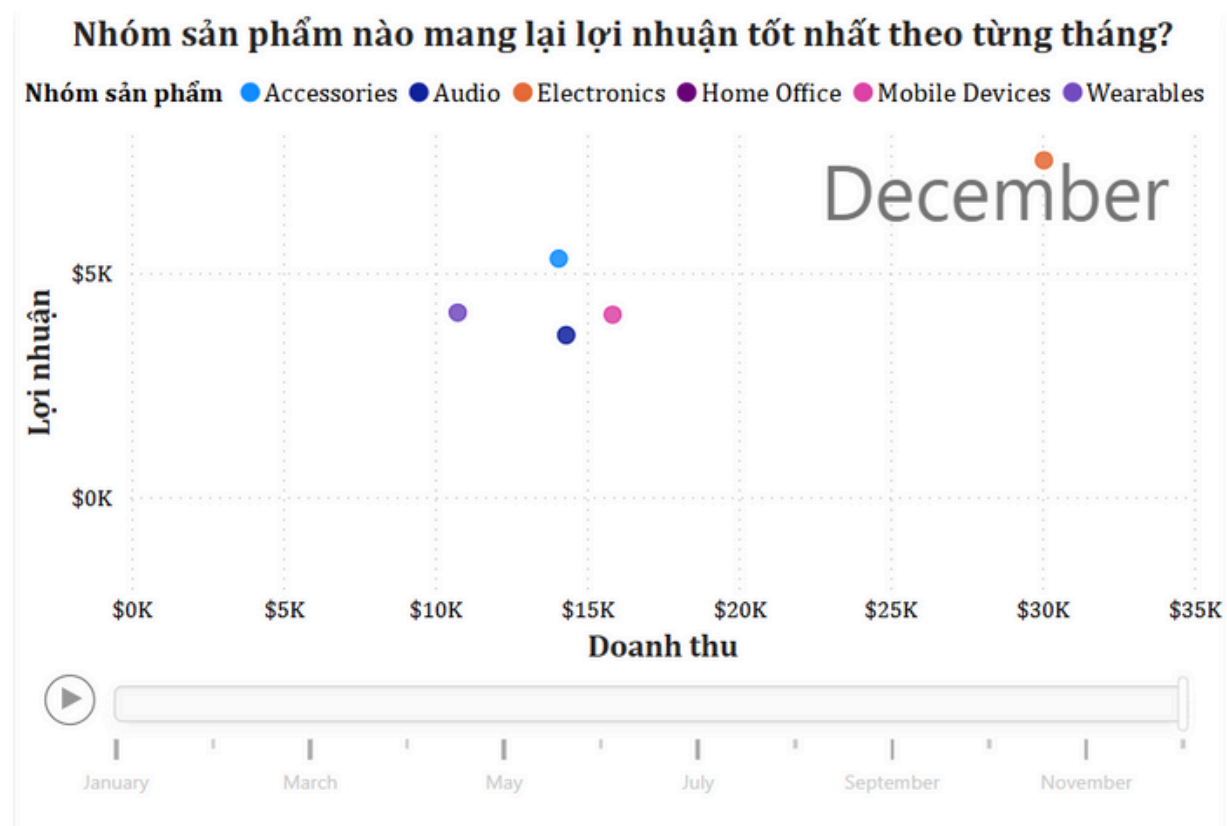
Biểu diễn sự

TƯƠNG QUAN



Giữa các biến định lượng

Nguyên nhân & Đóng góp



Bubble Chart

Scatter Chart

Key Influencers

Decomposition Tree

Biểu diễn các CHỈ SỐ & TÓM TẮT

Tổng số lượng khách hàng đang
 phục vụ hiện tại là bao nhiêu?

90
 # of Customers

Card

Các chỉ số kinh doanh chính như thế nào?

90	7
# of Customers	# of Products
\$235,208,999	\$141,045,859
Sum of Revenue	Total COGS

Multi-row Card

Chỉ số chính

Table

Vùng nào đang gặp vấn đề về thời gian gắn bó và chất lượng tuyển dụng?

EmplID	Year	Month	Gender	AgeGroup	Full/ Part-time	PayType	RegionSeq	TenureMonths
1	1959	January	Male	50+	F	Salaried	4-East	680
1	1959	January	Male	50+	F	Salaried	4-East	650
1	1963	June	Female	50+	F	Hourly	4-East	620
1	1963	June	Female	50+	F	Hourly	4-East	610
1	1963	June	Female	50+	F	Hourly	4-East	600
1	1963	June	Female	50+	F	Hourly	4-East	590
1	1963	June	Female	50+	F	Hourly	4-East	580
1	1966	September	Female	50+	F	Hourly	1-North	580
1	1966	December	Female	50+	F	Hourly	1-North	580
1	1967	May	Male	50+	F	Hourly	1-North	550
1	1969	June	Male	50+	F	Salaried	1-North	550
1	1969	September	Male	50+	F	Hourly	1-North	550
1	1969	September	Male	50+	F	Hourly	2-Midwest	550
1	1966	September	Female	50+	F	Hourly	1-North	550
1	1966	September	Female	50+	F	Hourly	4-East	550
1	1966	September	Female	50+	F	Salaried	4-East	550

Tổng hợp & Giải thích
 dữ liệu

Matrix

Tỷ lệ nghỉ việc theo nhóm tuổi ở từng vùng là bao nhiêu?

AgeGroup	1-North	2-Midwest	4-East	6-South	Total
<30	128.43%	121.21%	175.38%	168.00%	144.36%
30-49	44.74%	38.57%	39.79%	60.72%	43.56%
50+	35.80%	31.76%	29.13%	34.42%	32.52%
Total	83.02%	69.19%	90.11%	92.35%	81.67%

Smart Narrative

At 6,836,591, October had the highest Total Defect Qty and was 205.53% higher than February, which had the lowest Total Defect Qty at 2,237,602. Trong tháng April, số lượng lỗi đạt 56,010,955, tăng 3.32 % so với tháng trước.

Total Defect Qty and total Total Downtime Minutes are positively correlated with each other.

October accounted for 12.21% of Total Defect Qty.

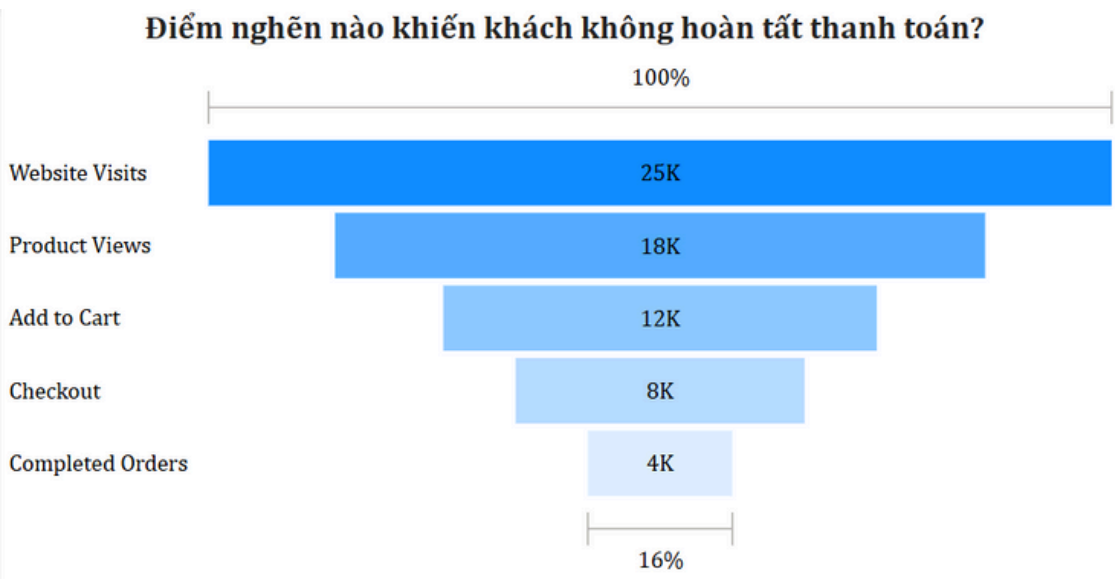
Total Defect Qty and Total Downtime Minutes diverged the most when the Month was October, when Total Defect Qty were 6,817,010 higher than Total Downtime Minutes.



Biểu diễn PHÂN TÍCH CHUYÊN SÂU & TƯƠNG TÁC

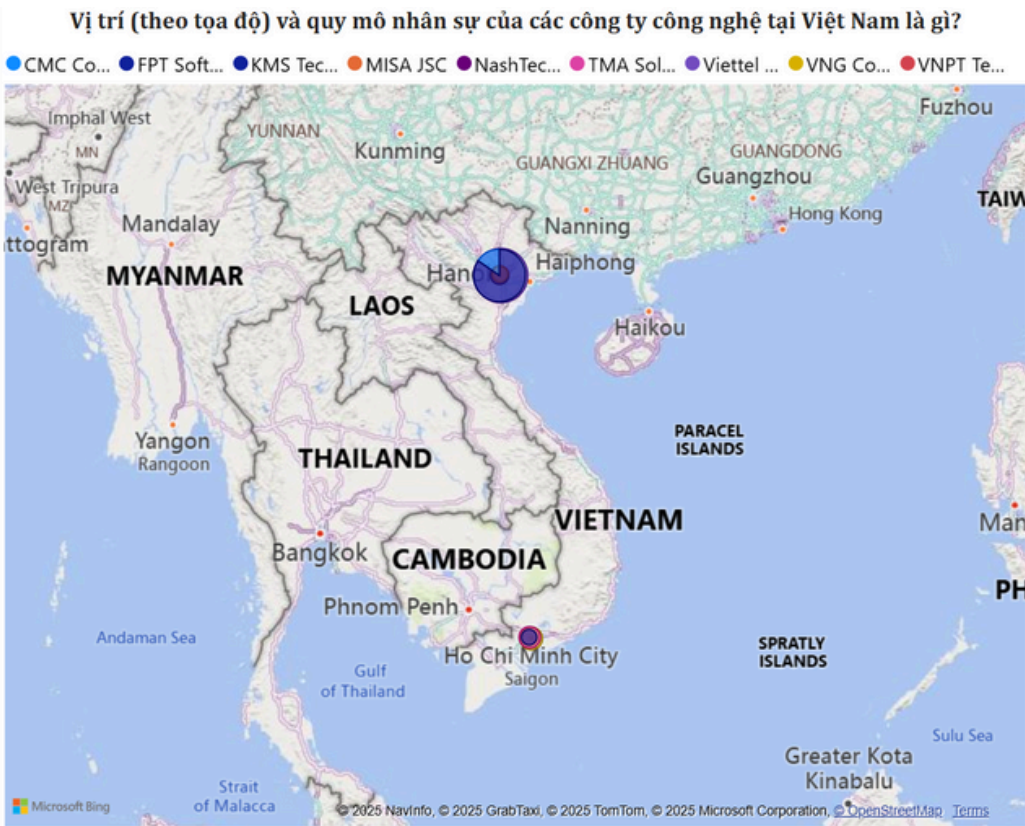
Quy trình từng bước

Funnel Chart



Theo vị trí địa lý

Map



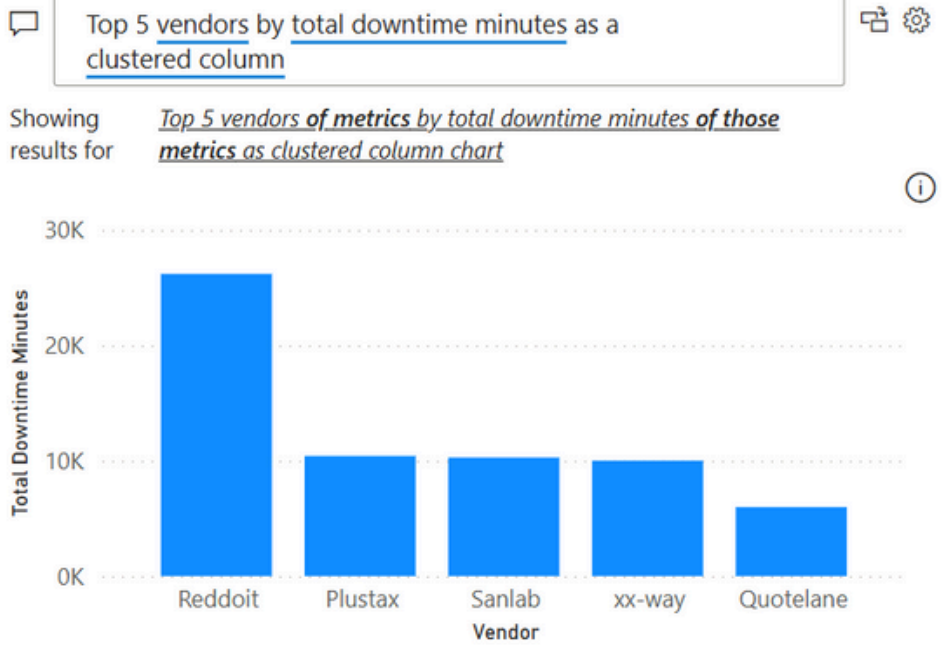
Shape Map

Mật độ dân số tại các tỉnh thành Việt Nam



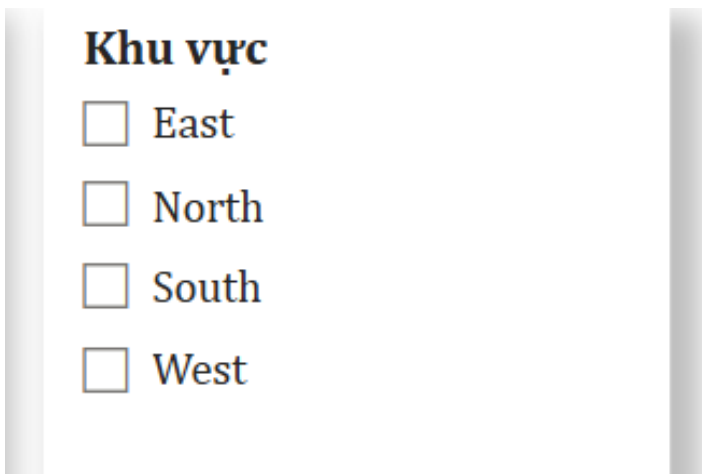
Đặt câu hỏi tự nhiên

Q&A

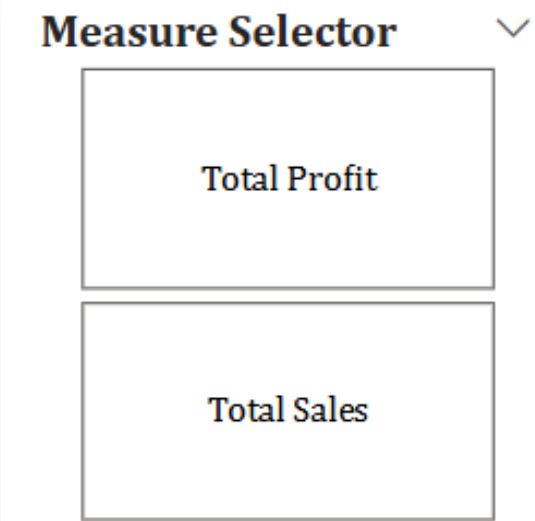


Bộ lọc tương tác

Slicer



Button Slicer



Range Slicer

